TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HS-ST
Ngày: 29/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2019/TLST-HS ngày 15/11/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NVD ,** sinh năm: 1968. Nơi sinh: tỉnh Quảng Nam.

Nơi đăng ký HKTT: Không có đăng ký HKTT ở bất kỳ đâu.

Nơi cư trú trước khi bị bắt tạm giữ, tạm giam: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ xây. Trình độ học vấn: 10/12.

Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và con bà Lê Thị B, sinh năm 1948. Gia đình bị cáo có 05 anh, em ruột, bị cáo là con thứ nhất; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: 01 tiền án; Tiền sự: Không.

Ngày 29/8/1995, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng tù về tội: Trốn khỏi nơi giam, theo quy định tại Điều 245 của Bộ luật hình sự năm 1985. Bị cáo chưa thi hành phần bồi thường dân sự của bản án, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Năm 1980 được gia đình nuôi, ăn học tại tổ dân phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Sống chung cùng hai cô ruột là Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị M. Năm 1987 chuyển đến sinh sống tại huyện KP, cho đến năm 1995 thì phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại huyện KN. Năm 2002 có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản rồi bỏ trốn khỏi địa phương, đến năm 2007 tiếp tục có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 02/7/2019 bị bắt theo lệnh truy nã.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Krông Pắc, từ ngày 02/7/2019 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

- Ông Y N, sinh năm 1944.

Nơi cư trú: Buôn A, xã E, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Phan TN, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh NTP, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh NTT, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

** Người làm chứng:*

- Chị NTMD, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

- Bà Lê Thị B, sinh năm 1948.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

- Anh NVH, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Y L (Tên gọi khác: MS), sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Buôn A, xã E, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/9/2002, Dg đến nhà của ông Y N hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Romatic, màu xanh, biển số 47H1-3843 của ông Y N, sinh năm 1944, trú tại Buôn A, xã E, huyện KP để tìm việc làm thì ông Y N đồng ý. Khi đến thành phố B, Dg nảy sinh ý định chiếm đoạt xe và bán cho một người đàn ông (Chưa rõ nhân thân lai lịch) được 2.300.000 đồng sử dụng hết. Sau đó, NVD trốn khỏi địa phương.

Khoảng 13 giờ ngày 01/4/2007 (Khi đang bị truy nã), Dg đến nhà Phan TN, sinh năm 1976, trú tại Thôn A, xã E, huyện KP chơi và ngủ lại nhà. Sáng ngày 02/4/2007, khi N đi làm thì Dg hỏi chị NTMD (Vợ N) mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu đen, biển số 47M3-2994 đi cắt tóc. Sau khi mượn được xe Dg nảy sinh ý định chiếm đoạt xe để sử dụng nên đã điều khiển xe đến xin làm thuê cho NTP, sinh năm 1970, trú tại Thôn A, xã E, huyện B. Quá trình làm việc Dg mượn số tiền 3.420.000 đồng của Phú, sau đó để xe mô tô trên lại nhà Phú rồi bỏ trốn. Đến ngày 02/7/2019, NVD bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-ĐG ngày 13/7/2007 của hội đồng định giá tài sản huyện Krông Pắc đã kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, biển số 47M3-2994 có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 14.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-ĐG ngày 08/7/2019 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Pắc đã kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Romatic, màu xanh, biển số 47H1-3843, có giá trị tại thời điểm bị xâm hại ngày 18/9/2002 là 13.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo NVD khai nhận: Vào ngày 18/9/2002, bị cáo mượn xe mô tô nhãn hiệu Romatic, màu xanh, biển số 47H1-3843 của ông Y N để đi lên xã HĐ tìm việc làm thì ông Y N đồng ý. Trên đường đi, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông Y N nên bị cáo đã điều khiển xe mô tô đi lên thành phố B, bị cáo bán

cho một người đàn ông được 2.300.000 đồng và sử dụng số tiền trên vào mục đích tiêu sài cá nhân, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương. Đến sáng ngày 02/4/2007, bị cáo đến nhà anh Phan TN mục đích để tìm việc làm, bị cáo Dg hỏi chị NTMD (Vợ anh N) mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu đen, biển số 47M3-2994 đi cắt tóc. Sau khi mượn được xe, Dg nảy sinh ý định chiếm đoạt xe để sử dụng nên đã điều khiển xe đến xin làm thuê cho NTP, sinh năm 1970, trú tại Thôn A, xã E, huyện B. Quá trình làm việc tại nhà anh Phú, bị cáo Dg mượn anh P số tiền 3.420.000 đồng, sau đó để xe mô tô trên lại cho anh P mục đích để cấn trừ số tiền 3.420.000 đồng rồi bỏ trốn.

Cáo trạng số 58/KSĐT-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố bị cáo NVD, về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo NVD phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 140; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; Bộ luật Hình sự năm 1999 tuyên phạt bị cáo NVD từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 02 tháng 7 năm 2019.

Về các biện pháp tư pháp;

- Về vật chứng: Đề nghị HĐXX chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc trả xe mô tô biển số 47H1-3843 cho bị hại Y N và trả xe mô tô biển số 47M3-2994 cho bị hại Phan TN.

Về phần dân sự: Ngày 14/8/2019, NTT (Em trai Dg) đã trả số tiền 3.420.000 đồng cho NTP; anh Phú, ông Y N và anh Phan TN không yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Bị cáo NVD không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh NTT không yêu cầu bị cáo NVD phải trả lại số tiền 3.420.000 đồng mà anh T trả cho NTP.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, thu thập chứng cứ vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người liên quan, những người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà là hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Như vậy, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của bị cáo NVD đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

Vận dụng điều luật nêu trên, đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời qua đó giáo dục riêng đối với bản thân bị cáo, răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Xét thấy hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của ông Y N và anh Phan

TN là trái pháp luật, ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự tại địa phương.

Xét về ý thức: Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo nhận thức được việc lợi dụng mối quan hệ quen biết, mượn xe mô tô của những người bị hại, sau đó chiếm đoạt tài sản của họ bằng cách mang đi bán để kiếm tiền tiêu xài cá nhân là hành vi vi phạm pháp luật. Mặc dù nhận thức được điều đó, xong xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, bản chất lười lao động nên ngày 18/9/2002, sau khi mượn được xe mô tô biển số 47H1-3843 của ông Y N, bị cáo mang đi bán gây thiệt hại về tài sản của ông Y N giá trị 13.000.000 đồng. Tiếp đến ngày 02/4/2007, bị cáo lại tiếp tục có hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 47M3-2994 của anh Phan TN gây thiệt hại về tài sản của anh Phan TN giá trị 14.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật của Nhà nước, chiếm đoạt nhiều lần tài sản của công dân.

Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã có tiền án nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, hoàn thiện lối sống khi tái hòa nhập cộng đồng mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy HĐXX áp dụng tình tiết tăng năng đươc quy định tại điểm g (Phạm tội nhiều lần, tái phạm) khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 để xem xét lượng hình đối với bị cáo. Xét thấy cần xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Người bị hại anh Phan TN làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, HĐXX cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[3] Về phần dân sự:

Ông Y N và anh Phan TN đã nhận lại xe, xe mô tô không bị hư hỏng gì nên ông Y N và anh Phan TN không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Ngày 14/8/2019, NTT (Em trai Dg) đã trả số tiền 3.420.000 đồng cho NTP. Trong quá trình điều tra, anh P không có yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa anh T không

yêu cầu bị cáo Dg trả lại cho anh T số tiền 3.420.000 đồng nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc trả xe mô tô biển số 47H1-3843 cho bị hại ông Y N và trả xe mô tô biển số 47M3-2994 cho bị hại anh Phan TN.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo NVD phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đối với bị cáo NVD về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức đề xuất về hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 140; điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Căn cứ điểm b, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo NVD phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Xử phạt bị cáo NVD 01 (Một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 02/7/2019.

[2] Về phần dân sự:

- Ông Y N và anh Phan TN đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Ngày 14/8/2019, NTT (Em trai Dg) đã trả số tiền 3.420.000 đồng cho NTP. Trong quá trình điều tra, anh P không có yêu cầu gì thêm, tại phiên tòa anh T không

yêu cầu bị cáo Dg trả lại cho anh T số tiền 3.420.000 đồng nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc trả xe mô tô biển số 47H1-3843 cho ông Y N và trả xe mô tô biển số 47M3-2994 cho anh Phan TN.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo NVD phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh NTT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND Tối cao;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện KP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Quang Vinh